

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỐT NỐT
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 26.5.2023

V/v: “Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Thanh Điền

Hội thẩm nhân dân:

1. bà Nguyễn Thúy Kiên

2. bà Thái Ánh Trinh

- Thư ký phiên tòa: ông Đinh Tuấn Anh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, tp. Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt tham gia phiên tòa: ông Đặng Minh Thiện - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, tp. Cần Thơ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2023/TLST-HNGĐ ngày 23.3.2023 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị **Phan Thị N**, sinh năm 1973, cư ngụ khu vực A, phường B, quận T, tp. Cần Thơ.

2. Bị đơn: anh **Nguyễn Thanh P**, sinh năm 1973, cư ngụ khu vực E, phường B, quận T, tp. Cần Thơ.

(tất cả có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 07.02.2023, nguyên đơn chị Phan Thị N trình bày:* Do tự quen biết và yêu thương nhau, năm 1994 chị với anh Nguyễn Thanh P được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Năm 2007 chị N khởi kiện yêu cầu ly hôn, theo đó tại bản án số 21/2007/HNGĐ-ST ngày 13.3.2007 của Tòa án nhân dân huyện T tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị với anh Nguyễn Thanh P. Sau đó anh chị tự nguyện đoàn tụ rồi kết hôn vào ngày 18.3.2022.

Quá trình chung sống lại, vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thanh P, sinh năm 1995 và Nguyễn Kim Q, sinh năm 2002 hiện đã trưởng thành lao động bình

thường; Về tài sản chung và nợ chung: không có. Do tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên chị yêu cầu ly hôn đối với anh Nguyễn Thanh P.

* *Đối với bị đơn anh Nguyễn Thanh P:* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ đương sự để thực hiện việc tự khai, để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng đương sự đều vắng mặt không có lý do nên vụ án không tiến hành mở phiên họp đối với bị đơn được theo quy định tại khoản 1 điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu ban đầu; bị đơn ông Nguyễn Thanh P có mặt tại phiên tòa đồng thời thừa nhận vợ chồng tự quen biết yêu thương nhau, được gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 1994 nhưng không đăng ký kết hôn. Năm 2007, Tòa án nhân dân huyện T tuyên xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh với chị N. Sau đó anh chị đoàn tụ, có kết hôn ngày 18.3.2022. Nay chị N yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý mà yêu cầu được đoàn tụ.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng là đúng trình tự thủ tục luật định.

- Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Phan Thị N đối với bị đơn anh Nguyễn Thanh P; *Về con chung:* đã giải quyết theo bản án số 21/2007/HNGĐ-ST ngày 13.3.2007 của Tòa án nhân dân huyện T nên không đề cập giải quyết lại; *Về tài sản chung, nợ chung:* Ghi nhận ý kiến của đương sự về việc trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, sau này phát sinh tranh chấp thì được giải quyết thành vụ kiện khác.

- Về án phí sơ thẩm: chị N phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật:* Sau khi Tòa án nhân dân huyện T tuyên bố chị Phan Thị N với anh Nguyễn Thanh P không phải vợ chồng (*bản án số 21/2007/HNGĐ-ST ngày 13.3.2007*) thì anh chị đoàn tụ lại, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, chị N có đơn khởi kiện nên xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] *Xét về quan hệ hôn nhân:* Chị N, anh P chung sống từ năm 1994 nhưng không đăng ký kết hôn. Do mâu thuẫn vợ chồng chị N có đơn khởi kiện, theo đó Tòa án nhân dân huyện T tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị với anh Nguyễn Thanh P theo bản án số 21/2007/HNGĐ-ST ngày 13.3.2007. Sau đó anh chị

đoàn tụ, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nhưng quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, từ năm 2022 chị N về nhà cha mẹ ruột sống ly thân với anh P từ đó đến nay.

Quá trình giải quyết, chị N kiên quyết ly hôn; quá trình tố tụng anh P vắng mặt nhưng tại phiên tòa anh Phong không đồng ý ly hôn mà yêu cầu được đoàn tụ với chị N. Thực tế, từ khi ly thân đến nay vợ chồng đã bỏ mặc mà không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Điều này cho thấy, tình trạng vợ chồng giữa chị N với anh P đã thật sự rạn nứt, thực tế hôn nhân đã chấm dứt, đời sống chung không thể tồn tại kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là phù hợp, có căn cứ pháp luật.

[3] *Về con chung*: Chị N khai vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thanh P, sinh năm 1995 và Nguyễn Kim Q, sinh năm 2002. Tại bản án số 21/2007/HNGĐ-ST ngày 13.3.2007 của Tòa án nhân dân huyện T (cũ) đã tuyên xử: ổn định cháu P cho anh Q nuôi dưỡng, ổn định cháu Q cho chị N nuôi dưỡng - đối trừ nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với chị N - anh P. Hơn nữa, hiện nay cháu P, cháu Q đã trưởng thành và lao động bình thường nên đương sự không đặt vấn đề giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Ghi nhận ý kiến của đương sự về việc trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Nguyên đơn chị Phan Thị N phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điều 147, điều 220, khoản 3 điều 228, điểm b khoản 2 điều 227 và điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 8, khoản 1 điều 9, điều 51, điều 53, điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Thị N đối với bị đơn anh Nguyễn Thanh P.

1. *Về hôn nhân*: chị Phan Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Thanh P.

2. *Về con chung*: tên Nguyễn Thanh P, sinh năm 1995 và Nguyễn Kim Q, sinh năm 2002 đã được giải quyết theo bản án số 21/2007/HNGĐ-ST ngày 13.3.2007 của Tòa án nhân dân huyện T (cũ) nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Ghi nhận ý kiến của đương sự về việc trình bày không có tài sản chung và nợ chung. Trường hợp sau này phát sinh tranh chấp tài sản chung và nợ chung thì được giải quyết thành vụ kiện khác.

4. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: chị Phan Thị N phải nộp 300.000 đồng. Chuyển tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo phiếu thu số: 0003769 ngày 14.3.2023 thành án phí. Chị N đã nộp xong.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tp. Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Cần Thơ.
- VKSND quận T.
- THA quận T.
- UBND phường B
(nơi đkkh).
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Điền